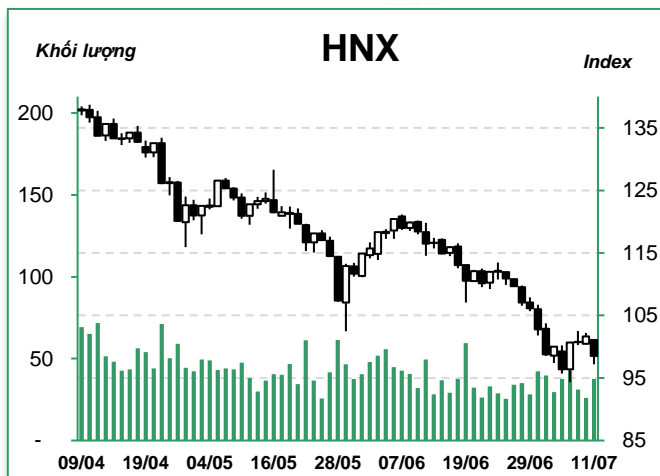
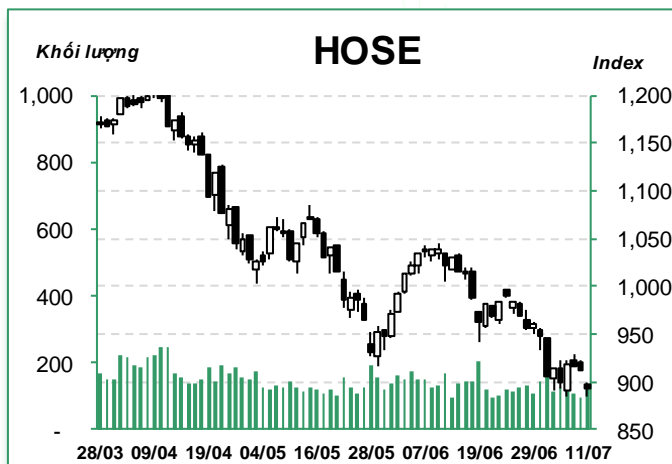


## Tổng quan thị trường

| 11/07/2018                  | HOSE            |               | VN30            |               | HNX             |               |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %    |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>893.16</b>   | <b>-1.97%</b> | <b>881.14</b>   | <b>-1.87%</b> | <b>98.52</b>    | <b>-3.05%</b> |
| Cuối tuần trước             | 917.51          | -2.65%        | 905.62          | -2.70%        | 100.70          | -2.16%        |
| Trung bình 20 ngày          | 954.01          | -6.38%        | 941.13          | -6.37%        | 106.70          | -7.67%        |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>155.81</b>   | <b>32.22%</b> | <b>57.53</b>    | <b>38.92%</b> | <b>39.03</b>    | <b>45.79%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>138.12</b>   | <b>48.35%</b> | <b>53.41</b>    | <b>61.26%</b> | <b>37.58</b>    | <b>44.84%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 128.58          | 7.42%         | 45.91           | 16.35%        | 34.63           | 8.52%         |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>3,691.11</b> | <b>33.51%</b> | <b>2,026.05</b> | <b>34.14%</b> | <b>554.84</b>   | <b>55.46%</b> |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>2,951.14</b> | <b>40.23%</b> | <b>1,761.73</b> | <b>42.96%</b> | <b>531.81</b>   | <b>56.51%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 3,131.85        | 17.86%        | 1,805.18        | 12.24%        | 507.58          | 9.31%         |
|                             | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |               |
| <b>Số mã tăng</b>           | 50              | 15%           | 2               | 7%            | 38              | 19%           |
| <b>Số mã giảm</b>           | 241             | 74%           | 26              | 87%           | 96              | 48%           |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 33              | 10%           | 2               | 7%            | 66              | 33%           |



Chịu áp lực từ các sự kiện thế giới và các thị trường chứng khoán trong khu vực, trong phiên giao dịch ngày 10/7, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã có một phiên điều chỉnh mạnh, dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn. Tuy nhiên, dòng tiền bắt đáy cũng đã có dấu hiệu gia nhập thị trường, thanh khoản giao dịch được cải thiện và khối ngoại cũng đã quay lại mua ròng trong hôm nay. Vào phiên giao dịch buổi sáng, thị trường mở cửa giảm mạnh và liên tục suy giảm khi lực cầu vẫn còn đứng ngoài thị trường. Vào phiên chiều, thị trường tiếp tục giảm mạnh hơn, tuy nhiên lực bắt đáy đã kiềm hãm đà lao dốc và hỗ trợ sự hồi phục của thị trường. Cuối phiên, cả hai chỉ số đều đóng cửa giảm điểm.

VN-Index đóng cửa tại mức 893.16 điểm (-1.97%), với KLGD khớp lệnh đạt 138.1 triệu cổ phiếu (+48.4%), tương đương 2,951 tỷ đồng giá trị (+40.2%).

Căng thẳng thương mại đã tiếp tục leo thang khi Nội các của tổng thống Trump tiếp tục triển khai kế hoạch áp thuế nhập khẩu lên thêm 200 tỷ USD đối với hàng hóa Trung Quốc, đã khiến thị trường chứng khoán toàn cầu chao đảo. Thị trường Việt Nam cũng không ngoại lệ khi tiếp tục giảm sâu, quay về dưới ngưỡng 900 điểm. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tác động mạnh nhất đến chỉ số khi hầu như tất cả các mã trong ngành đều suy giảm mạnh, tiêu biểu là BID (-6.6%), CTG (-6.5%) và VCB (-3.6%), ngoài ra TCB (-6.9%) và VPB (-6.8%) giảm sàn "trắng bên mua". Các cổ phiếu GAS (-2.8%), PXS (-2.0%), PVD (-1.6%) thuộc họ Dầu khí cũng giảm điểm trong hôm nay, khiến thị trường mất đi lực nâng đỡ. Nhóm Bất động sản phân hóa khi VIC (+1.5%) tăng điểm thì các cổ phiếu lớn còn lại trong ngành đều đồng pha giảm điểm, trong đó bao gồm DXG (-4.7%), VRE (-1.7%), VHM (-1.2%). Nhóm Thép cũng sụt giảm mạnh trong hôm nay khi NKG (-4.0%), HSG (-3.5%) và HPG (-3.1%) đều giảm điểm.

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| VPB         | 4,000.0              | 118.80         |
| VJC         | 518.0                | 73.71          |
| VNM         | 350.0                | 58.45          |
| NVL         | 1,073.1              | 53.02          |
| FRT         | 649.0                | 46.08          |
| NBB         | 2,100.0              | 43.90          |
| HPG         | 650.0                | 22.66          |
| VHM         | 200.0                | 21.95          |
| SAB         | 100.0                | 21.94          |
| EIB         | 1,245.0              | 17.99          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| VNT         | 263.8                | 7.91           |
| HDA         | 575.0                | 5.75           |
| VCG         | 170.0                | 2.91           |
| VMC         | 61.0                 | 2.07           |
| DNP         | 120.0                | 1.80           |
| ACB         | 30.0                 | 0.99           |
| SHB         | 95.0                 | 0.79           |
| LAS         | 70.0                 | 0.72           |
| PVX         | 50.0                 | 0.07           |
| HKB         | 15.0                 | 0.02           |

Khối ngoại quay lại mua ròng trên sàn HOSE với giá trị đạt 43.2 tỷ đồng (-152.0%), chủ yếu mua vào DXG (+48.3 tỷ), E1VFN30 (+26.7 tỷ), GAS (+22.3 tỷ), DHG (+19.0 tỷ), và bán ra SSI (-25.7 tỷ), MSN (-21.8 tỷ), BID (-21.5 tỷ).

Có diễn biến tiêu cực hơn, HNX-Index đóng cửa giảm mạnh về mức 98.52 điểm (-3.05%), với KLGD khớp lệnh đạt 37.6 triệu cổ phiếu (+44.8%), tương đương 531.8 tỷ đồng giá trị (+56.5%).

Nhóm Ngân hàng dẫn dắt đà giảm của chỉ số khi hai cổ phiếu Ngân hàng lớn trên sàn là ACB (-5.9%) và SHB (-5.3%) đều có mức suy giảm khá sâu. Ngành Xây dựng tiếp tục ảnh hưởng xấu đến thị trường khi các cổ phiếu PVX (-7.7%), L14 (-7.9%) và VCG (-4.5%) giảm điểm và có tác động lớn đến thị trường. Các cổ phiếu Bất động sản cũng giảm mạnh trong hôm nay, tiêu biểu là CEO (-6.6%), NDN (-2.2%) và NRC (-2.9%). Ở chiều ngược lại, VGC (+1.9%) và VCS (+0.4%) của ngành Vật liệu xây dựng đi ngược thị trường ngày hôm nay, nhưng không đủ mạnh để hỗ trợ thị trường hồi phục.

Khối ngoại gia tăng mua ròng trên sàn Hà Nội đạt giá trị 24.8 tỷ đồng (109.2%), chủ yếu mua vào VGC (+12.2 tỷ), SHS (+12.1 tỷ), PVS (+6.4 tỷ), và bán ra PVI (-7.8 tỷ), SD9 (-0.2 tỷ), S55 (-0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực bán đang gia tăng. Không những vậy, xu hướng giảm trong ngắn và trung hạn của chỉ số vẫn đang tiếp diễn, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa dưới hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, kèm theo chỉ báo ADX đi lên vùng 40 và đường +DI nằm dưới -DI phát đi tín hiệu củng cố xu hướng giảm điểm hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI cho tín hiệu đi xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục suy giảm về thử thách ngưỡng hỗ trợ 876 điểm (Fib 161.8) trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm mạnh trở lại và duy trì đóng cửa dưới MA20 cho thấy xu hướng giảm đang tiếp diễn, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là ngưỡng tâm lý 95 điểm. Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường có thể vẫn là giảm điểm trong ngắn và trung hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TMS   | 29.9                | 1.1            | 7.0%         |
| RDP   | 12.3                | 0.1            | 7.0%         |
| AGF   | 3.4                 | 2.5            | 6.9%         |
| HVG   | 2.7                 | 341.8          | 6.6%         |
| SC5   | 32.2                | 4.9            | 6.5%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PIT   | 7.4                 | 9.0            | -7.0%        |
| HCM   | 47.3                | 353.1          | -7.0%        |
| HBC   | 20.0                | 1,665.7        | -7.0%        |
| SAV   | 8.8                 | 2.3            | -7.0%        |
| TDH   | 12.1                | 274.2          | -6.9%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 34.4                | 242.9             | -3.1%        |
| VCB   | 51.2                | 169.5             | -3.6%        |
| SSI   | 26.0                | 153.8             | -6.0%        |
| VPB   | 25.9                | 140.0             | -6.8%        |
| CTG   | 20.9                | 136.3             | -6.5%        |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| FLC   | 4.8                 | 11,579.0       | -1.9%        |
| HAG   | 4.9                 | 7,714.1        | -1.8%        |
| HPG   | 34.4                | 7,028.9        | -3.1%        |
| CTG   | 20.9                | 6,420.0        | -6.5%        |
| DXG   | 20.1                | 6,369.8        | -4.7%        |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TV3   | 48.4                | 3.0            | 10.0%        |
| BST   | 13.2                | 0.4            | 10.0%        |
| SJ1   | 21.0                | 1.2            | 9.4%         |
| CTC   | 4.7                 | 0.5            | 9.3%         |
| VMS   | 10.6                | 0.1            | 9.3%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PTS   | 5.4                 | 1.2            | -10.0%       |
| SGD   | 9.9                 | 0.1            | -10.0%       |
| SD2   | 4.5                 | 23.8           | -10.0%       |
| PDC   | 6.3                 | 0.1            | -10.0%       |
| LM7   | 3.8                 | 4.2            | -9.5%        |

#### Top 5 giá trị

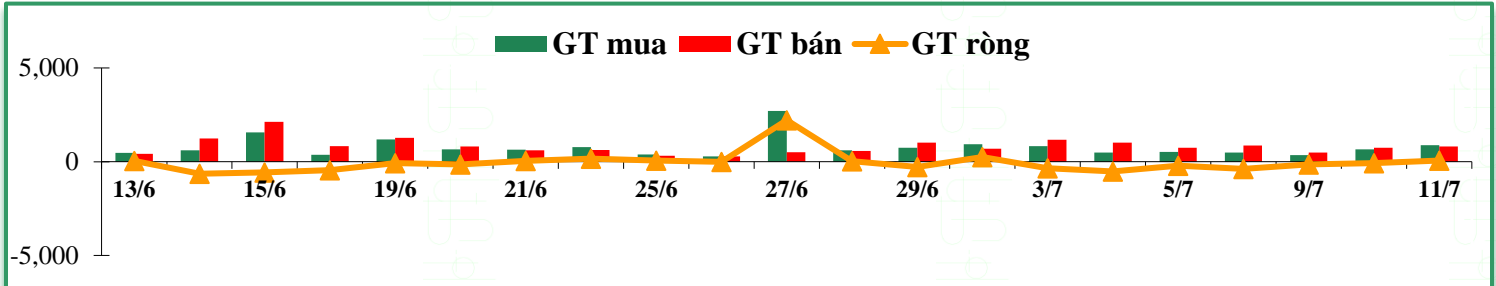
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB   | 31.9                | 225.4             | -5.9%        |
| SHB   | 7.2                 | 63.5              | -5.3%        |
| VGC   | 16.5                | 49.7              | 1.9%         |
| PVS   | 15.5                | 36.0              | -2.5%        |
| SHS   | 11.8                | 21.9              | -1.7%        |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB   | 7.2                 | 8,736.7        | -5.3%        |
| ACB   | 31.9                | 7,023.9        | -5.9%        |
| VGC   | 16.5                | 3,094.5        | 1.9%         |
| PVS   | 15.5                | 2,311.4        | -2.5%        |
| SHS   | 11.8                | 1,855.0        | -1.7%        |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán     |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| HOSE           | 846.7        | 28.7%        | 803.5        | 27.2%        | 43.2        |
| HNX            | 37.1         | 7.0%         | 12.3         | 2.3%         | 24.8        |
| <b>Tổng số</b> | <b>883.8</b> |              | <b>815.7</b> |              | <b>68.1</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 167.0               | 161.8             | 0.0%         |
| VPB   | 25.9                | 96.4              | -6.8%        |
| HPG   | 34.4                | 62.1              | -3.1%        |
| VCB   | 51.2                | 61.5              | -3.6%        |
| DXG   | 20.1                | 58.7              | -4.7%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 167.0               | 149.0             | 0.0%         |
| VPB   | 25.9                | 96.4              | -6.8%        |
| HPG   | 34.4                | 78.6              | -3.1%        |
| VCB   | 51.2                | 73.7              | -3.6%        |
| FRT   | 73.0                | 50.9              | 2.8%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| DXG   | 20.1                | 48.3              | -4.7%        |
| GAS   | 77.8                | 22.3              | -2.8%        |
| DHG   | 99.0                | 19.0              | -1.9%        |
| VRE   | 35.7                | 16.5              | -1.7%        |
| VNM   | 167.0               | 12.7              | 0.0%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 16.5                | 14.6              | 1.9%         |
| SHS   | 11.8                | 12.1              | -1.7%        |
| PVS   | 15.5                | 7.1               | -2.5%        |
| DHT   | 36.9                | 0.8               | 0.0%         |
| SHB   | 7.2                 | 0.6               | -5.3%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVI   | 28.8                | 7.8               | 0.0%         |
| VGC   | 16.5                | 2.4               | 1.9%         |
| PVS   | 15.5                | 0.7               | -2.5%        |
| SD9   | 7.2                 | 0.2               | -1.4%        |
| LAS   | 11.4                | 0.2               | 0.0%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 16.5                | 12.2              | 1.9%         |
| SHS   | 11.8                | 12.1              | -1.7%        |
| PVS   | 15.5                | 6.4               | -2.5%        |
| DHT   | 36.9                | 0.8               | 0.0%         |
| SHB   | 7.2                 | 0.6               | -5.3%        |

## Tin trong nước

### **Ngân hàng Nhà nước bơm ròng 210.000 tỷ đồng ra thị trường trong 6 tháng đầu năm**

Báo cáo vừa công bố của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (NFSC) cho biết, trong 6 tháng đầu năm, thanh khoản của hệ thống TCTD tương đối dồi dào do được hỗ trợ từ việc NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ và cung ứng tiền ròng khoảng gần 210 nghìn tỷ đồng từ đầu năm đến nay.

Do đó, lãi suất liên ngân hàng liên tục duy trì ở mức thấp. Tính đến ngày 25/6/2018, lãi suất qua đêm ở mức 1%, lãi suất 1 tuần là 1%, lãi suất 1 tháng là 1,6% (giảm khoảng 0,7-0,8 điểm % so với cuối tháng trước và giảm khoảng 1,6-2 điểm % so với cùng kỳ năm trước)

Trong khi đó, lãi suất trên thị trường tiền gửi của tổ chức kinh tế và dân cư tương đối ổn định. Lãi suất huy động VND dao động ở mức 4,2%-8% (lãi suất huy động bình quân khoảng 5,2%). Lãi suất cho vay VND ở mức 7-11%, lãi suất cho vay USD ở mức 2,4-7% (lãi suất cho vay bình quân khoảng 8,8%). Một số ngân hàng giảm lãi cho các lĩnh vực ưu tiên và khách hàng tốt, mức giảm khoảng 0,5%.

Báo cáo của NFSC cho biết, vốn huy động của hệ thống TCTD tăng trưởng mạnh hơn so với cùng kỳ năm 2017. Đến cuối tháng 6/2018, tổng vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân tăng khoảng 8% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 6,8%).

Tăng trưởng tín dụng lại chậm hơn so với cùng kỳ năm 2017. Đến cuối tháng 6/2018, tín dụng tăng khoảng 6,5% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ tăng 8,7%). Dư nợ cho vay vào các lĩnh vực thương mại, công nghiệp chế biến chế tạo, lĩnh vực nông lâm nghiệp giữ tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng ổn định. Dư nợ tín dụng phục vụ đời sống tăng khá so với cuối năm 2017.

Trên thị trường ngoại hối, đến 28/06/2018 tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh lên mức 22.655 VND/USD tăng 0,27% so với cuối tháng trước và tăng 1,07% so với đầu năm.

### **Việt Nam tăng 2 bậc về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu**

Việt Nam tiếp tục tăng 2 bậc, lên vị trí 45/126 quốc gia và nền kinh tế về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu.

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) tối 10/7 công bố Báo cáo về xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2018.

Theo đó, Việt Nam tiếp tục cải thiện 2 bậc so với năm 2017 và 14 bậc so với năm 2016 lên vị trí 45/126, với điểm số cao hơn mức trung bình ở cả 7 trụ cột.

### **Nhiều doanh nghiệp EU vẫn lạc quan về môi trường kinh doanh Việt Nam**

Theo khảo sát mới nhất của Hiệp hội các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) về chỉ số môi trường kinh doanh quý 1/2018 cho thấy, các doanh nghiệp châu Âu hoặc có mối liên hệ với châu Âu tại Việt Nam vẫn khá lạc quan về môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam mặc dù không còn ở mức cao như năm 2016.

Cụ thể, so với quý liền trước, những đơn vị đánh giá tình hình môi trường kinh doanh là "xuất sắc" giảm còn 10%. Thay vào đó, các đơn vị xếp hạng "tốt" tăng thêm 7%. Số lượng đánh giá mang tính "tiêu cực" không nhiều thay đổi.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **PYN Elite Fund nâng sở hữu tại An Phát lên gần 8,5%**

PYN Elite Fund có văn bản gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK NN) về giao dịch cổ phiếu AAA của CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (HOSE: AAA).

Quỹ này đã mua 1 triệu cp AAA, nâng sở hữu từ 7,87% lên 8,46% tương đương hơn 14 triệu cp vào ngày 5/7, theo phương thức mua qua sàn.

Năm 2018, AAA đặt mục tiêu doanh thu 6.365 tỷ đồng và lãi ròng 332 tỷ đồng, tăng 56% và 25% so với năm trước. Đến năm 2025, công ty dự kiến sẽ chạm mốc doanh thu 24.023 tỷ đồng, gấp 3,8 lần năm nay và lợi nhuận gấp 6,5 lần, đạt 2.156 tỷ đồng.

### **ABT sẽ trả cổ tức 30% bằng tiền trong tháng 8**

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (Mã: ABT) vừa quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1/2018, tỷ lệ 30% bằng tiền. Thời gian thực hiện trong tháng 8. Như vậy, số tiền ABT có thể chi trả khoảng 42,3 tỷ đồng.

30% cũng là tỷ lệ cổ tức tối thiểu được ĐHCĐ thường niên thông qua để chi trả cho năm 2018. Tỷ lệ này cao hơn 10% so với mức chi trả năm 2017.

Năm 2018, công ty đặt kế hoạch 400 tỷ doanh thu thuần và 48 tỷ lợi nhuận trước thuế; tương ứng với mức tăng trưởng lần lượt 4% và 45%.

### **TRC chốt quyền trả cổ tức tiền 2017 tỷ lệ 23%**

Sở GDCK TP.HCM thông báo ngày 17/7 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2017 bằng tiền của CTCP Cao su Tây Ninh (HOSE: TRC), tỷ lệ 23%. Thời gian thanh toán dự kiến vào 31/7.

Công ty dự kiến chi ra gần 67 tỷ đồng cho đợt thanh toán cổ tức này, nguồn lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối công ty mẹ. Sau khi chia và trích lập các quỹ thì công ty còn lại 8,6 tỷ đồng lợi nhuận.

Năm 2018, công ty đề ra kế hoạch doanh thu 497,5 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 106 tỷ đồng, cổ tức ở mức 15%. Trong đó, chỉ tiêu doanh thu năm nay của TRC khá tương đương năm trước trong khi lãi trước thuế và cổ tức cùng giảm mạnh.

### **Dư nợ tín dụng Vietinbank tăng gần 7,6% sau 6 tháng**

Tổng giám đốc VietinBank cho biết, tổng tài sản đến cuối tháng 6 ngân hàng ở mức 1,14 triệu tỷ đồng, tăng hơn 40.000 tỷ đồng, tương đương 4%. Dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng 7,56%, cao hơn so với tốc độ tăng toàn Ngành (6,84%). Trong đó, dư nợ cho vay tăng 9,8% so với đầu năm. ROA, ROE hợp nhất ước đạt lần lượt là 1% và 13%.

Năm 2018, VietinBank đặt kế hoạch tổng tài sản tăng 10 - 12% so với năm 2017; dư nợ tín dụng tăng 14%. Tổng nguồn vốn huy động tăng 10 - 14% so với năm 2017; các tỷ lệ đảm bảo an toàn tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do               |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------------------|
| 1   | CTG   | Cắt lỗ      | 12/7/2018        | 20.9         | 21.9          | -4.6%          | 24.3         | 11.0%      | 20.5       | -6.4%      | Xu hướng điều chỉnh |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi Chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | NT2   | Nắm giữ     | 23/6/2018        | 30.2         | 29.6          | 2.0%           | 32.0         | 8%         | 28.8       | -3%        |         |
| 2   | SJD   | Mua         | 11/7/2018        | 25.7         | 25.8          | -0.4%          | 28.3         | 10%        | 25.0       | -3%        |         |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018E (tỷ) | EPS 2018E | BV 2018E | ROE 2018E | ROA 2018E | PE 2018E | PB 2018E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| <a href="#">VCS</a> (New) | HNX   | 84,300  | 50,500        | 05/07/2018      | 264                  | 4,725     | 31,579   | 16%       | 9%        | 10.6     | 1.6      | 20%              |
| <a href="#">PNJ</a> (New) | HOSE  | 82,500  | 94,447        | 05/07/2018      | 895                  | 5,519     | 28,179   | 25%       | 18%       | 17.0     | 3.0      | 18%              |
| <a href="#">DHG</a> (New) | HOSE  | 99,000  | 106,113       | 19/06/2018      | 676                  | 5,751     | 24,796   | 25%       | 17%       | 21.0     | 4.3      | 30%              |
| <a href="#">AAA</a> (New) | HOSE  | 16,800  | 22,162        | 14/06/2018      | 333                  | 1,993     | 20,135   | 15%       | 6%        | 11.0     | 1.1      | 15-20%           |
| <a href="#">HSG</a> (New) | HOSE  | 9,750   | 10,700        | 14/06/2018      | 854                  | 2,441     | 15,461   | 15%       | 4%        | 4.3      | 0.7      | 10%              |
| <a href="#">GAS</a> (New) | HOSE  | 77,800  | 110,300       | 05/06/2018      | 11,463               | 5,953     | 24,552   | 25%       | 17%       | 18.5     | 4.5      | 40%              |
| <a href="#">DXG</a> (New) | HOSE  | 20,100  | 34,600        | 05/06/2018      | 1,211                | 2,447     | 12,212   | 26%       | 12%       | 13.0     | 2.6      | 20%              |
| <a href="#">NKG</a> (New) | HOSE  | 13,150  | 21,445        | 29/5/2018       | 542                  | 2,555     | 16,977   | 17%       | 7%        | 5.7      | 0.9      | 10%              |
| <a href="#">MPC</a>       | UPCOM | 39,400  | 85,134        | 11/05/2018      | 769                  | 10,985    | 71,285   | 19%       | 7%        | 8.0      | 1.2      | N/A              |
| <a href="#">PVS</a>       | HNX   | 15,500  | 17,025        | 10/05/2018      | 633                  | 1,418     | 21,972   | 6%        | 3%        | 12.0     | 0.8      | 5%               |
| <a href="#">NT2</a>       | HOSE  | 30,200  | 33,800        | 09/05/2018      | 816                  | 2,835     | 16,653   | 17%       | 8%        | 11.9     | 2.0      | 30%              |
| <a href="#">ANV</a>       | HOSE  | 18,850  | 24,333        | 07/05/2018      | 218                  | 1,755     | 11,268   | 16%       | 7%        | 13.9     | 2.2      | N/A              |
| <a href="#">STK</a>       | HOSE  | 15,800  | 20,500        | 07/05/2018      | 135                  | 1,905     | 12,940   | 15%       | 6%        | 11.0     | 1.6      | N/A              |
| <a href="#">IDI</a>       | HOSE  | 11,000  | 15,563        | 20/4/2018       | 377                  | 2,106     | 15,089   | 16%       | 6%        | 7.4      | 1.0      | N/A              |
| <a href="#">PVT</a>       | HOSE  | 15,300  | 26,000        | 04/12/2018      | 522                  | 1,856     | 13,958   | 14%       | 14%       | 14.0     | 1.9      | N/A              |
| <a href="#">VHC</a>       | HOSE  | 57,000  | 75,798        | 29/03/2018      | 648                  | 7,012     | 43,690   | 20%       | 12%       | 10.8     | 1.7      | 20%              |
| <a href="#">NLG</a>       | HOSE  | 28,000  | 39,000        | 30/03/2018      | 584                  | 3,100     | 21,210   | 9%        | 21%       | 12.6     | 1.8      | N/A              |
| <a href="#">PLX</a>       | HOSE  | 54,000  | 92,400        | 30/03/2018      | 4,867                | 4,200     | 15,548   | 23%       | 7%        | 22.0     | 5.6      | N/A              |
| <a href="#">PVD</a>       | HOSE  | 12,600  | 20,200        | 21/03/2018      | (272)                | (710)     | 33,703   | -2%       | -1%       | N/A      | 1        | N/A              |
| <a href="#">PNJ</a>       | HOSE  | 82,500  | 176,000       | 02/08/2018      | 906                  | 8,384     | 33,322   | 22%       | 16%       | 19       | 5        | N/A              |
| <a href="#">DHA</a>       | HNX   | 26,900  | 39,202        | 02/02/2018      | 70                   | 4,612     | 28,170   | 16%       | 15%       | 9        | 1        | 25%              |
| <a href="#">BMP</a>       | HOSE  | 52,100  | 86,800        | 01/03/2018      | 475                  | 5,808     | 33,307   | 18%       | 15%       | 15       | 3        | N/A              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5479

Fax: (84-8) 5 413 5472

Customer Service: (84-8) 5 411 8855

Call Center: (84-8) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

#### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-8) 5 413 5473

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-8) 3 820 8206

#### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-4) 6 250 9999

Fax: (84-4) 6 250 6666

#### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-8) 3 813 2415

#### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-4) 3 933 4566

Fax: (84-4) 3 933 4820

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-31) 384 1810

Fax: (84-31) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.